

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LIÊU OÁNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LIÊU OÁNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIEU OANH TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LIEU OANH CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 1900692355

3. Ngày thành lập: 12/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2/47 tỉnh lộ 38, khóm 5, Phường 5, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 0787464101

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước; sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4542

12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ môi giới bất động sản và hoạt động đấu giá tài sản)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không hoạt động tại trụ sở)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm (Không hoạt động tại trụ sở)	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ kinh doanh dược phẩm)	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ mua bán vàng miếng)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hóa chất cấm theo quy định của Luật đầu tư; trừ gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dược phẩm, vàng miếng)	4669(Chính)
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (Không hoạt động tại trụ sở)	0118
28.	Trồng cây lâu năm khác	0129
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất,... làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh,...).	8230
30.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động Dịch vụ báo cáo tòa án; Hoạt động đấu giá; Dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
32.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) (Không hoạt động tại trụ sở)	8559

33.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
34.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế (Không hoạt động tại trụ sở)	8610
35.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (không có bệnh nhân lưu trú)	8620
36.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
37.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	9000
38.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (Trừ hoạt động của các sàn nhảy)	9311
39.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9522
40.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
41.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
42.	Lập trình máy vi tính	6201
43.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet)	6202
44.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
45.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
46.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
47.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
48.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản	6810
49.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ tư vấn bất động sản.	6820
50.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
51.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7110
52.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

53.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
54.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng, giám sát thi công, khảo sát xây dựng)	7410
56.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của các phóng viên ảnh)	7420
57.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
58.	Cho thuê xe có động cơ	7710
59.	Bán buôn tổng hợp	4690
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
62.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (không hoạt động tại trụ sở)	0891
63.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	0899
64.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)	1010
65.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
66.	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)	1030
67.	Sản xuất chè	1076
68.	Sản xuất cà phê	1077
69.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở)	1629
70.	In ấn (không hoạt động tại trụ sở) (Trừ in tráng bao bì kim loại, in ấn trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may)	1811
71.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rèn lập khuôn tem)	1812
72.	Sao chép bản ghi các loại	1820
73.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022

74.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở; không sản xuất, gia công tại chi nhánh; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	2592
75.	Sản xuất thiết bị truyền thông (không hoạt động tại trụ sở)	2630
76.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
77.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
78.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4789
79.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
80.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
81.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
83.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
84.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở).	5510
88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
89.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
90.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5629
91.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
92.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	5911

93.	Hoạt động hậu kỳ (trừ sản xuất phim và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
94.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
96.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
97.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
98.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
99.	Đại lý du lịch	7911
100.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
101.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ kinh doanh dịch vụ bảo vệ)	8110
102.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
103.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
104.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
105.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
106.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
107.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
108.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
109.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
110.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
111.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
112.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
113.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
114.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
115.	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511
116.	Truyền tải và phân phối điện (loại trừ: hoạt động truyền tải, điều độ Hệ thống điện quốc gia)	3512
117.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
118.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
119.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
120.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
121.	Tái chế phế liệu	3830
122.	Xây dựng nhà để ở	4101

123.	Xây dựng nhà không để ở	4102
124.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
125.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
126.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
127.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
128.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
129.	Xây dựng công trình thủy	4291
130.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
131.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
132.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
133.	Phá dỡ	4311
134.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
135.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
136.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
137.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
138.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
139.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
140.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
141.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
142.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
143.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
144.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 7.430.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: BÙI VĂN CHINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/04/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017092006452

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Cha, Xã Ngọc Sơn, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Cha, Xã Ngọc Sơn, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI VĂN CHINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/04/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017092006452

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Cha, Xã Ngọc Sơn, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Cha, Xã Ngọc Sơn, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu